

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 09/3/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hữu Nam và ông Trần Ngọc Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 11/11/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 100/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thanh N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Mai Xuân Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Mai Xuân Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh N trình bày:* Trước khi tổ chức “lễ ăn hỏi” chị và anh Q chưa gặp nhau. Do hai nhà gần nhau và được bố mẹ hai bên gia đình vun vén nên anh chị đã đồng ý cho hai gia đình tổ chức “lễ ăn hỏi”. Sau “lễ ăn hỏi” thì hai người mới tìm hiểu nhau và chị đã có biểu hiện chưa đồng ý, còn anh Q thì đồng ý cho hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán; anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 20/7/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào tỉnh Bình Dương lập nghiệp, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng.

Đến tháng 9/2019, do bố mẹ của anh Q đều đã già yếu và bị bệnh nặng mà không có người chăm sóc nên vợ chồng về sống chung cùng với bố mẹ của anh Q

tại xã T, huyện P để thuận tiện cho việc chăm sóc, khi về chung sống tại gia đình chồng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn nên chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở, sống ly thân với anh Mai Xuân Q. Chị N nhận thấy vợ chồng mới sống với nhau gần 03 năm mà đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn bất đồng, không thể tháo gỡ được. Mỗi lần cãi vã xô xát, chị đã cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng để chờ đến một lúc nào đó vợ chồng sẽ hòa hợp. Nhưng với tính cách và suy nghĩ của hai người quá trái ngược nhau về nhiều mặt, anh Q đã nhiều lần xúc phạm và dùng bạo lực với chị, cuộc sống quá ngột ngạt và mệt mỏi, không thể kéo dài được nữa nên chị quyết định xin ly hôn với anh Q.

- *Tại bản tự khai ngày 04/8/2020 và biên bản hòa giải ngày 20/8/2020 bị đơn anh Mai Xuân Q thể hiện:* Anh Q thừa nhận giữa anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng dặt nhau vào tỉnh Bình Dương sinh sống. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng không thể dung hòa được, chị N luôn tìm cách để anh phải nghe theo lời chị N, không được nói lại, có lời lẽ và hành động liên quan đến vấn đề tâm linh để hăm dọa. Chị N đã có thái độ hỗn xược với anh và gia đình anh nên tình cảm vợ chồng sút mẻ nghiêm trọng, tình cảm gia đình hai bên cũng bị ảnh hưởng. Khi chị N bỏ về nhà mẹ ruột thì gia đình chị N cũng bảo vệ chị và xúi chị ly hôn với anh. Đến nay, anh Q cũng không còn tình cảm với chị N nữa nên anh chấp nhận thuận tình ly hôn với chị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Mai Xuân Q đã thay đổi nội dung đã trình bày tại bản tự khai ngày 04/8/2020 và thay đổi nội dung đã thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2020. Cụ thể: Anh Q không đồng ý ly hôn với chị N nữa và đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng trở lại đoàn tụ.

- Về con chung:

Nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh N trình bày: Quá trình chung sống, chị và anh Q có hai người con chung là cháu Mai Huyền Diệu L, sinh ngày 02/5/2018 và cháu Mai Huyền An N1, sinh ngày 28/7/2019. Do hai cháu là con gái và còn quá nhỏ, cháu lớn chỉ mới hai tuổi 04 tháng nên chị N yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị N giữ nguyên yêu cầu nuôi con và đã thay đổi về phần cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/01 tháng.

- *Tại bản tự khai ngày 04/8/2020 và biên bản hòa giải ngày 20/8/2020 bị đơn anh Mai Xuân Q thể hiện:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Mai Huyền Diệu L, sinh ngày 02/5/2018 và cháu Mai Huyền An N1, sinh ngày 28/7/2019, khi ly hôn anh Q yêu cầu được nuôi cháu lớn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án;
Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hồ Thị Thanh N với các nội dung sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thanh N được ly hôn với anh Mai Xuân Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Hồ Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung là Mai Huyền Diệu L, sinh ngày 02/5/2018 (hiện đang ở với bố) và Mai Huyền An N1 sinh ngày 28/7/2019 (hiện đang ở với mẹ) kể từ ngày tuyên án đến khi con đủ 18 tuổi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Anh Mai Xuân Q có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. .

Trường hợp anh Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 10 năm 2020, bị đơn anh Mai Xuân Q có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án số: 100/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; không có vấn đề gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về việc anh Mai Xuân Q rút một phần kháng cáo về yêu cầu xin được đoàn tụ. Không chấp nhận nội dung kháng cáo còn lại của anh Q, sửa một phần bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Q phải giao cháu Diệu L cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, lời khai của đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Mai Xuân Q có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Đối với chị Hồ Thị Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Mai Xuân Q rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu xin được đoàn tụ chỉ xin kháng cáo về phần xin được nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần căn cứ vào khoản 2 Điều 284, khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm về một phần kháng cáo của anh Q về yêu cầu xin đoàn tụ và tiếp tục xét xử kháng cáo của anh Q về xin được nuôi con chung.

[2] Xét kháng cáo của anh Mai Xuân Q về việc xin nuôi cháu Mai Huyền Diệu L:

Quá trình chung sống vợ chồng anh Q chị N có 02 người con chung là cháu Mai Huyền Diệu L, sinh ngày 02/5/2018 và cháu Mai Huyền An N1, sinh ngày 28/7/2019. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng hiện cháu Diệu L và cháu An N1 đều còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cả hai cháu là bé gái vì vậy việc ở với mẹ các cháu sẽ được chăm sóc một cách toàn diện, chu đáo, đảm bảo sự phát triển của các cháu về sau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử giao cho chị Hồ Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung là Mai Huyền Diệu L, sinh ngày 02/5/2018 và Mai Huyền An N1, sinh ngày 28/7/2019 kể từ ngày tuyên án đến khi con đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên hiện nay cháu Diệu L đang ở với anh Q nên Hội đồng xét xử xét cần sửa bản án sơ thẩm để buộc anh Q phải giao cháu Diệu L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho công tác thi hành bản án sau này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị N tuyên xử buộc anh Mai Xuân Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và đã thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mai Xuân Q không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 284, khoản 3 Điều 289, khoản 1, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của anh Q về yêu cầu xin đoàn tụ.

2. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Mai Xuân Q, sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thanh N được ly hôn với anh Mai Xuân Q.

+ Về con chung:

Giao cho chị Hồ Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Mai Huyền An N1, sinh ngày 28/7/2019.

Buộc anh Mai Xuân Q phải giao cháu Mai Huyền Diệu L, sinh ngày: 02/5/2018 cho chị Hồ Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho công tác thi hành bản án sau này.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Mai Xuân Q có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi hai cháu, mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Mai Xuân Q không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001003 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) cho anh Mai Xuân Q.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hôn nhân dân gia đình phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- VKSND huyện P ;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính